

Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam: bắt đầu từ đâu và theo lộ trình nào?¹

NGUYỄN QUANG THÁI

Bài viết tập trung phân tích, làm rõ các yếu tố đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện tái cấu trúc lại nền kinh tế. Các yếu tố đó là: mất cân đối lớn trong kinh tế vĩ mô; chất lượng tăng trưởng giảm; khoảng cách thu nhập trung bình gioăng xa so với một số nước; phát triển chủ yếu dựa vào đầu vào, khai thác tài nguyên. Trên cơ sở của những phân tích, tác giả chỉ rõ: yêu cầu tất yếu của đổi mới mô hình tăng trưởng; đổi mới toàn hệ thống: tư duy phát triển, thể chế, chính sách phát triển tổng thể, và được triển khai trên tất cả các ngành, vùng kinh tế, các lĩnh vực trong cả nước, trong sự liên kết và tác động qua lại nhiều chiều.

1. Tái cấu trúc (cấu trúc lại) nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng ngay từ lúc này

Đại hội toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu nhiệm vụ “cấu trúc lại” nền kinh tế như một phương thức để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế². Nhưng khi bắt tay thực hiện, chúng ta cần dành thời gian để làm rõ, vì sao cần tái cấu trúc, khi thành tựu rất to lớn: đó là nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường hiệu quả tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Thực vậy, trong nhiều năm gần đây, cách thức phát triển kinh tế đang đi theo hướng chất lượng thấp, hiệu quả giảm dần, trong đó nhân tố vốn chiếm 30% vào 20 năm trước đã tăng đến 60% hiện nay, trong khi nhân tố công nghệ và quản lý đã giảm từ 50% cùng kỳ xuống còn 20-25%, có khi còn thấp hơn! Nền kinh tế đang lâm vào tình trạng lạm phát cao do những bất ổn kinh tế vĩ mô từ nhiều năm tích tụ lại. Cụ thể, đất nước đã có 5 mất cân đối vĩ mô lớn³ và các sai lầm khiếm khuyết trong cơ chế, chính sách và điều hành, do đó cần sửa đổi mô hình phát triển:

Tăng trưởng có nhanh, cơ cấu kinh tế có chuyển, nhưng chất lượng tăng trưởng

giảm, nói riêng, tỷ lệ tiêu hao vật chất từ dưới 50%GO, nay đã tăng lên 55-60%GO. Trong công nghiệp càng rõ.

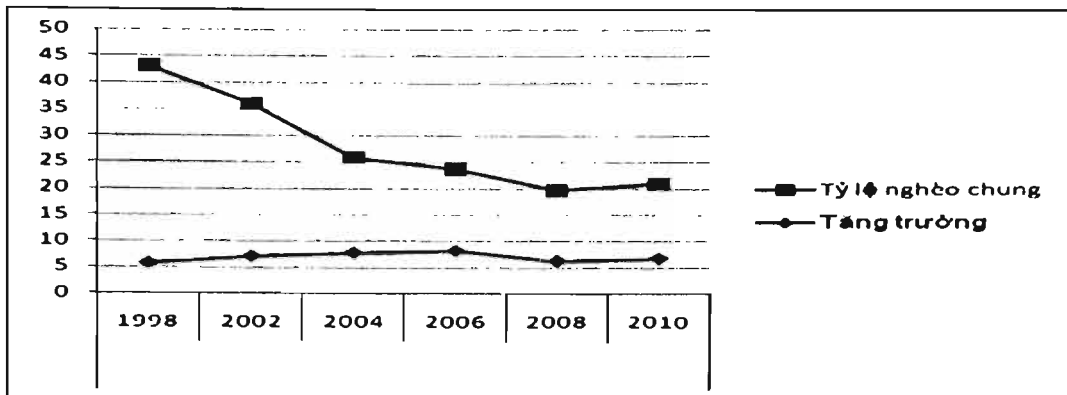
Nguyễn Quang Thái, GS.TSKH. Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

1. Bài này phản ánh quan điểm cá nhân, và mới đăng phần I về tái cấu trúc cần làm ngay và tiến hành một cách có hệ thống. Trong một bài tiếp theo, sẽ nói về bước đi và hành động cụ thể nên theo lộ trình như thế nào.

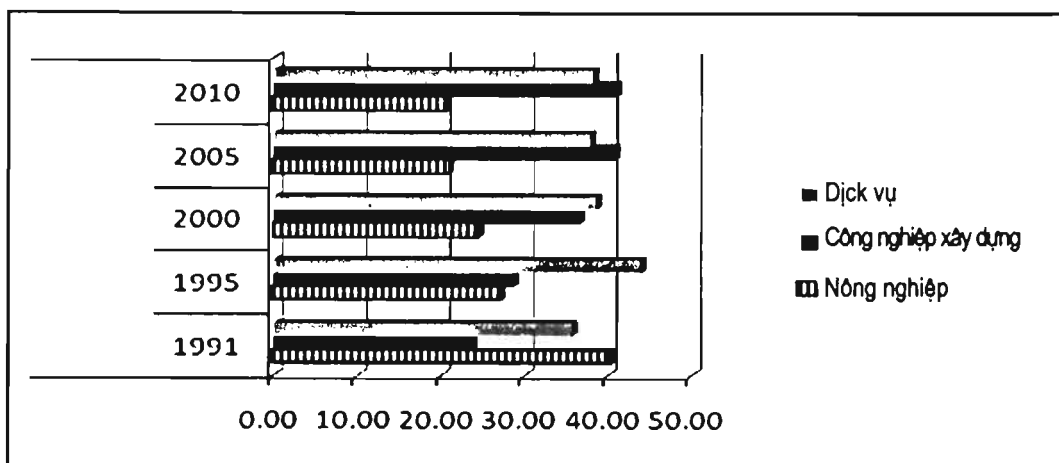
2. Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Hà Nội, 2011

3. Năm mất cân đối lớn là: (1) Cân đối tích lũy và đầu tư (S-I), khi tích lũy dưới 30%GDP, nhưng đầu tư trên 40%GDP gây ra tình trạng vay nợ cả của khu vực nhà nước và tư nhân khá nặng nề; (2) Cân đối thu chi ngân sách, quá lớn về quy mô và thâm hụt lớn; (3) Cân đối xuất nhập khẩu: dù xuất khẩu tăng nhanh, nhưng nhập siêu quá lớn; (4) Cân đối hàng – tiền, khi tổng phương tiện thanh toán được tung ra quá lớn (nhất là sau những biện pháp trợ giá và tín dụng ưu đãi lớn); (5) Cân đối toàn bộ quá trình tái sản xuất, trong việc tăng tiêu hao vật chất, nhập siêu, tích lũy quá mức, tiêu dùng của Chính phủ và nhân dân còn nhiều lãng phí, chưa tương xứng với khả năng của nền kinh tế. Các sai lầm thiếu sót và cả yếu kém trong cơ chế, chính sách (như phân cấp quá mức, đến chia cắt); và trong cả điều hành (nhiều khoản thu chi ngân sách cố định cho phát triển khoa học – công nghệ và bảo vệ môi trường đã không được các địa phương tuân thủ).

HÌNH 1: Tăng trưởng và giảm nghèo (%)



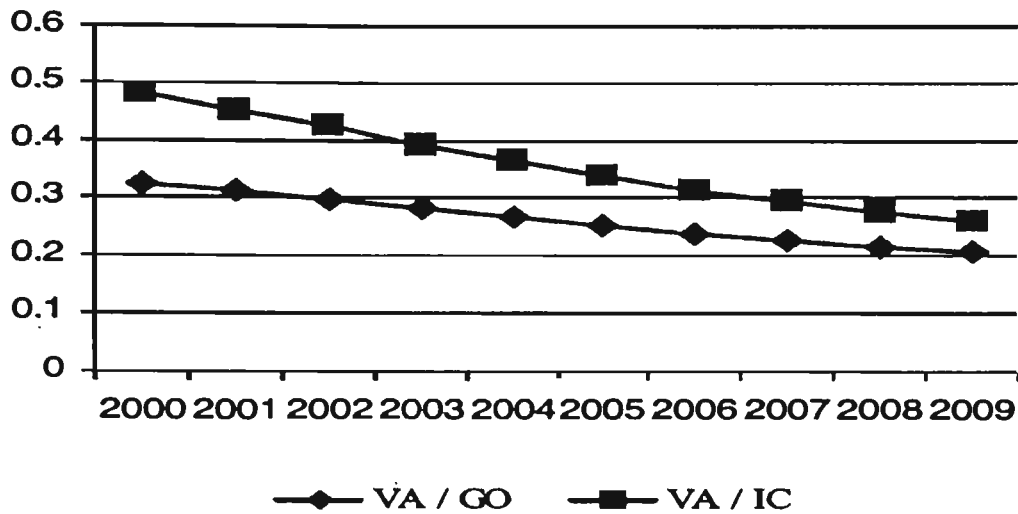
HÌNH 2: Cơ cấu nền kinh tế (% GDP)



BẢNG 1. Tỷ lệ tiêu hao vật chất

10- Chế biến thực phẩm	DNNN 82,41	Doanh nghiệp ngoài NN 80,32	FDI 81,13	Chủ yếu là FDI và tư nhân
13- Dệt sợi	73,80	81,36	79,07	Nhà nước 23%, Ngoài nhà nước 43% và FDI 34%
14- Sản xuất trang phục (dệt kim, may sẵn)	78,67	70,94	75,80	Chủ yếu là ngoài nhà nước và doanh nghiệp FDI
16- Chế biến gỗ và sản phẩm gỗ tre nứa	70,91	73,50	75,55	Ngoài nhà nước 99%
17- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	74,34	80,71	77,56	Ngoài nhà nước 69%
18- In, sao chép	71,00	69,43	73,16	57% nhà nước
20- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	76,39	77,15	84,85	Chủ yếu là FDI và nhà nước
22- Sản phẩm từ cao su và plastic	78,29	76,26	75,48	Chủ yếu là FDI như lốp oto xe máy, xe đạp và tư nhân như plastic
24- Sản xuất kim loại	79,67	78,21	82,63	Chủ yếu là ngoài nhà nước
25- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	79,67	78,21	82,63	Chủ yếu là tư nhân và FDI
26- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	71,17	76,68	86,22	Chủ yếu là FDI
27- Sản xuất thiết bị điện	82,84	79,68	80,66	58% FDI

HÌNH 3: Tỷ lệ tiêu hao vật chất công nghiệp



BẢNG 2. Chỉ tiêu HDI (mới)

Nước và GDP theo PPP năm 2008 (USD)		1990	2000	2005	2010	Thứ hạng 2010
Phát triển thấp (42 nền kinh tế)						
Đimababue	176	0,284	0,232	0,159	0,140	169
10-Mianma	1.596	...	...	0,406	0,451	132
Phát triển trung bình (52 nền kinh tế)						
9-Campuchia	1.868	...	0,412	0,466	0,494	124
8-Lào PDR	2.321	0,354	0,425	0,460	0,497	122
Ấn Độ	3.337	0,389	0,440	0,482	0,519	119
7-Việt Nam	2.995	0,407	0,505	0,540	0,572	113
6-Indônêxia	3.957	0,458	0,500	0,561	0,600	108
5-Philippin	4.002	0,552	0,597	0,619	0,638	97
4-Thái Lan	8.001	0,546	0,600	0,631	0,654	92
Trung Quốc	7.258	0,460	0,567	0,616	0,663	89
Phát triển cao (43 nền kinh tế)						
3-Malaixia	13.927	0,616	0,691	0,726	0,744	56
Phát triển rất cao (42 nền kinh tế)						
2-Brunây	49.915	0,773	0,792	0,801	0,805	37
1-Singapo	48.893	...	...	0,826	0,846	27
Hàn Quốc	29.518	0,725	0,824	0,856	0,877	12
Nhật Bản	34.692	0,814	0,855	0,873	0,877	11
Hoa Kỳ	47.094	0,857	0,893	0,895	0,892	4

Nguồn: Human Development Report 2010, tr 148-151.

Như vậy Việt Nam chưa đạt được mục tiêu phát triển bền vững trong một thế giới toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, mặc dù đã đạt nhiều thành tựu về tăng trưởng và giảm nghèo, tiến tới các mục tiêu thiên

niên kỷ (MDG) vào năm 2015. Sự tụt hậu về quy mô kinh tế, khoảng cách thu nhập bình quân cũng đoãng ra khá xa với Trung Quốc và Thái Lan (số liệu của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) năm 2010).

BẢNG 3. Khoảng cách về thu nhập bình quân

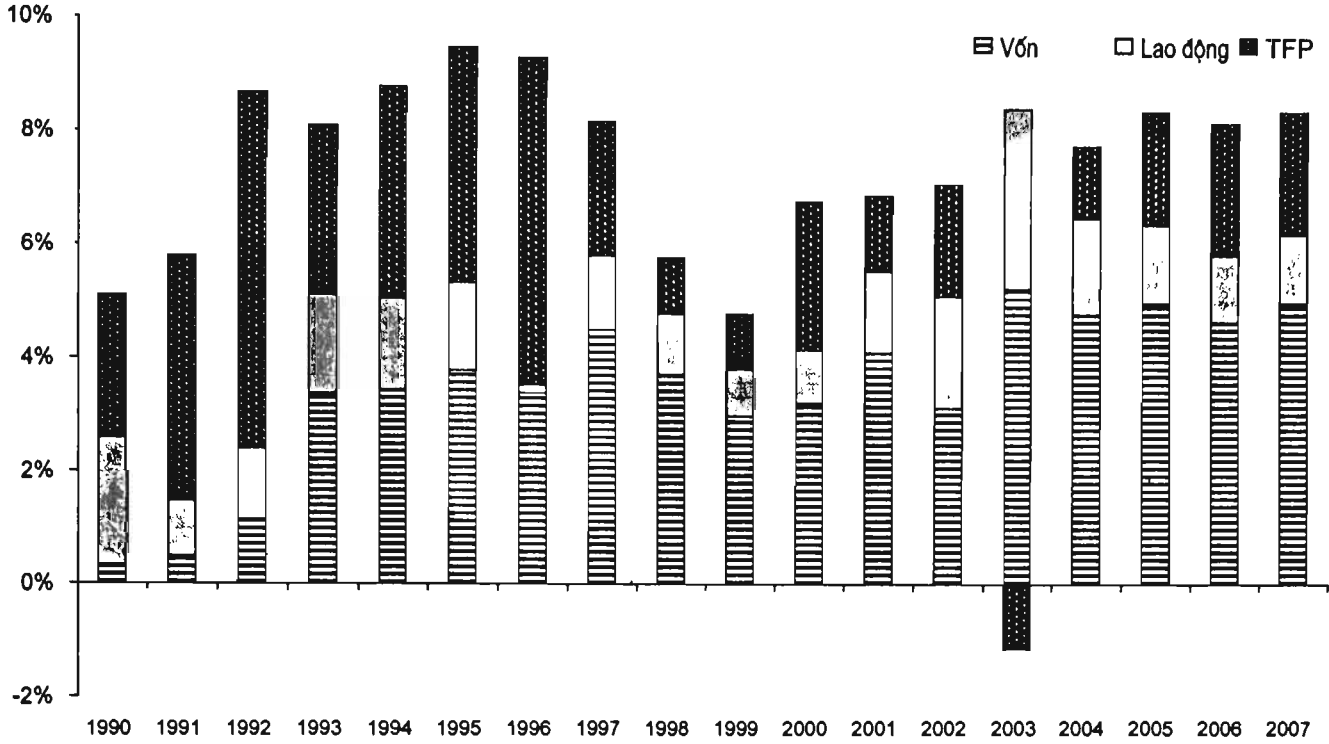
	Việt Nam	Trung Quốc	Thái Lan	Malaixia
Tổng thể	75	29	36	24
Nhóm 1	92	36	43	33
TC 1 - Thể chế	63	48	60	43
TC 2 - Hạ tầng kỹ thuật	94	46	40	26
TC 3 - Ổn định kinh tế vĩ mô	112	8	22	42
TC 4 - Giáo dục và đào tạo cao đẳng	76	45	61	34
Nhóm 2	61	32	40	25
TC 5 - Sức khỏe và giáo dục sơ cấp	92	61	54	41
TC 6 - Hiệu quả thị trường hàng hóa	67	42	44	30
TC 7 - Hiệu quả thị trường lao động	38	32	25	31
TC 8 - Thị trường tài chính	82	81	49	6
TC 9 - Sản sàng công nghệ	73	79	63	37
TC 10 - Quy mô thị trường	38	2	21	28
Nhóm 3	55	29	47	24
TC 11 - Kinh doanh	70	38	43	24
TC 12 - Đổi mới công nghệ	44	28	57	24

Nếu phân tích về các yếu tố đóng góp giữa vốn (capital), lao động (labor) và KHCN và quản lý (TFP) thì có thể xem như hình 4 được M. Porter tính ra năm 2008.

Do nền kinh tế đã tích tụ những bất hợp lý, mất cân đối lâu ngày, nên việc tái cấu trúc cần diễn ra một cách hệ thống, có bước đi thích hợp để đạt hiệu quả vững chắc, kinh tế có sức cạnh tranh cao, theo hướng phát triển bền vững. Mấy năm gần đây trong khi năng suất lao động mọi khu

vực kinh tế và toàn nền kinh tế tăng gấp rưỡi, thì các doanh nghiệp FDI cũng giảm hiệu quả mạnh (có thể cơ cấu đầu tư đã chuyển vào các ngành tận dụng lao động rẻ như dệt may, da giày,... và do hạch toán “gửi” chi phí)! Do đó, ngay khu vực kinh tế FDI có năng suất cao nhất cũng đang bị giảm phân nửa! Việc tái cơ cấu nền kinh tế cần được soi rọi trong từng ngành, từng vùng, từng thành phần kinh tế, để hướng tới năng suất, chất lượng và hiệu quả.

HÌNH 4: Đóng góp của vốn, lao động, khoa học công nghệ và quản lý vào sản xuất (%)



BẢNG 4. Năng suất lao động biến thiên phức tạp (theo giá 1994)

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Toàn nền kinh tế	7.381	7.662	7.976	8.322	8.717	9.188	9.674	10.205	10.556	10.820	11.246
Kinh tế nhà nước	25.577	26.782	27.700	28.106	29.641	32.177	34.606	36.027	37.073	38.695	39.953
Kinh tế ngoài nhà nước	4.098	4.227	4.410	4.618	4.810	5.062	5.327	5.699	5.963	6.125	6.458
FDI	82.561	90.805	79.831	49.892	45.814	42.641	41.036	39.256	39.033	45.466	43.409

Nguồn: Tác giả xử lý theo Niên giám thống kê các năm

Nếu thế giới chia ra 3 giai đoạn phát triển dựa vào: tăng “đầu vào”, với GDP khoảng dưới 2000USD/người (như Việt Nam); tăng hiệu quả “đầu vào” với GDP khoảng từ 3000 USD 9000 USD/người (như Trung Quốc, Thái Lan và Malaixia đang cố thoát lên); đi tới sáng tạo công nghệ để phát triển, từ trên 17000 USD/người (như Nga và các nước OECD) (ở giữa các nhóm đó là đang thời kỳ chuyển tiếp); thì Việt Nam mới ở giai đoạn đầu, phát triển dựa vào tăng đầu vào, nhưng đã mạnh nha một số yếu tố của hiệu quả và sáng tạo, tuy chưa nhiều. Chỉ có trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng thì yếu tố hiệu quả và sáng tạo mới ngày càng tăng

cường, và Việt Nam tiếp bước mạnh trong nhóm nước có thu nhập trung bình, tránh được “bẫy” thu nhập trung bình, vượt qua bức tường “kính” về công nghệ, chặn bước phát triển.

2. Nên bắt đầu từ đâu: từ đổi mới toàn hệ thống (các phần tử hệ thống và mối liên kết bên trong và bên ngoài hệ thống)

Nếu đặt đúng “bài toán” tái cấu trúc, đổi mới mô hình tăng trưởng/phát triển xét trên tổng thể, thì việc tiến hành tái cấu trúc, đổi mới mô hình tăng trưởng/phát triển cũng chỉ có thể bắt đầu từ tổng thể, trên tất cả các lĩnh vực: tư duy phát triển, thể chế, chính

sách phát triển tổng thể, và được triển khai trên tất cả các ngành, vùng kinh tế, các lĩnh vực trong cả nước, trong sự liên kết và tác động qua lại nhiều chiều.

Nếu không tiến hành tái cơ cấu và đổi mới mang tính tổng thể, thì không thể “phá vỡ” được sự “trì trệ” đang “nứu kéo” hệ thống “cũ” với thể chế kinh tế còn mang đặc trưng của quá trình chuyển đổi có phần sơ khai ban đầu, chủ yếu là “tháo bỏ quy chế” (de-regulation) chứ chưa phải là xây dựng thể chế mới (institution) với cả những thói quen tiêu dùng, kinh doanh và quản lý mới đổi mới từng mảng, có phần chấp vá, có tác dụng ít nhiều một thời, nhưng không phù hợp với tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt của một nền kinh tế đang rộng mở trong thời đại toàn cầu hóa và kinh tế tri thức.

Cần nhận rõ khó khăn của cách tiếp cận tổng thể: mặc dù kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh, với GDP tăng bình quân hơn 7%/năm suốt 20 năm qua và công nghiệp, dịch vụ tăng nhanh, trong đó luân chuyển bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng trên 20% (giá thực tế) liên tục nhiều năm... Nhưng chúng ta đã đạt được sản lượng cao chưa bằng công nghệ cao, mà còn sản xuất bằng “mọi giá”, nên có thể đáp ứng về số lượng cho tiêu dùng trong nước với 70% dân số sống ở nông thôn, nhưng nhập siêu ngày càng tăng lên để phục vụ sản xuất trong nước cho tiêu dùng và xuất khẩu, do đó, thực chất người dân trong nước đang phải tiêu dùng hàng ngoại, với chế biến sơ sài, dù chất lượng phần lớn còn kém, với cả hàng làm giả nhãn mác! Sản lượng sản xuất có thể tăng cao, nhưng do công nghệ sản xuất chưa cao, nên xuất khẩu tăng mạnh lại dựa nhiều vào xuất khẩu tài nguyên và nông sản, còn hàng công nghiệp chế tác có đủ khả năng xuất khẩu, chiếm lĩnh thị trường quốc tế còn chưa nhiều, v.v... Ngay nhiều mặt hàng xuất khẩu cao, thì ngoài sản phẩm dựa vào xuất thô tài nguyên và nông sản, những sản phẩm hàng đầu như dệt may lại có nguyên liệu nhập tới 80%, như vậy, Việt

Nam đang “xuất thuê” cho nước ngoài! Đất nước ta hiện nay tuy không khó khăn ở mức kiệt quệ như khi bắt đầu đổi mới những năm 1980 (làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập, lạm phát phi mã), nhưng ta lại đang gặp khó khăn mới khi đất nước ở tầm phát triển cao hơn. Đó là tuy phát triển đã khá, nhưng những mất cân đối vĩ mô và sai lầm yếu kém trong cơ chế, chính sách và điều hành đã làm chúng ta “tự” gây khó thêm khi mong muốn tăng trưởng nhanh⁴, nhưng các điều kiện tiền đề về thể chế, nguồn nhân lực chất lượng cao và hạ tầng, đô thị hiện đại chưa có đủ (các khâu “tắc nghẽn” cần có đột phá chiến lược). Đó là chưa nói tới những khó khăn của đất nước ngày càng đi vào hội nhập sâu, đối mặt với cạnh tranh gay gắt và các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe. Ngay ngân sách tuy thu lớn, nhưng phụ thuộc vào “bán” tài nguyên (dầu khí và tiền đất) và thuế xuất nhập khẩu, sẽ bị giảm nhanh trong điều kiện tài nguyên cạn kiệt và hội nhập sâu. Thành ra, đất nước đang tiêu dùng và đầu tư vượt xa khả năng đích thực của nền kinh tế, gây nên tình trạng nợ nần cao, trong đó nợ công đến 42,2%GDP và nợ tư nhân và doanh nghiệp đến 10%GDP, không chỉ lớn và đang tăng nhanh. Theo quyết toán năm 2009, thu ngân sách lên tới 37%GDP và chi lên tới 43%GDP, làm kiệt quệ sức dân... Nếu không tái cơ cấu kinh tế nhanh chóng như Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã nêu, đất nước có thể gặp những cơn khủng hoảng mới.

Xét về các doanh nghiệp, có thể thấy sức cạnh tranh còn yếu kém. Tuy số lượng đăng ký cao trên 500.000 doanh nghiệp, nhưng chỉ

4. Với tư duy muốn tăng trưởng bằng “mọi giá”, có hai loại nguyên nhân là các mất cân đối vĩ mô (đầu tư và tích lũy nội bộ; thu chi ngân sách và bội chi; xuất nhập khẩu và nhập siêu; tiền và hàng mất cân đối; và mất cân đối tổng thể quá trình tái sản xuất của xã hội); các sai lầm thiếu sót trong cơ chế, chính sách và điều hành (phân cấp quá mức, chi tiêu quá mức và tình trạng tham nhũng, quan liêu...) đã là các nguyên nhân gây lạm phát cao và kéo dài hiện nay.

khoảng 2/3 còn đang hoạt động, làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Quy mô và hiệu quả chưa đủ sức để các doanh nghiệp này có thể tham gia cuộc cạnh tranh toàn cầu hóa.

Như vậy, để tạo ra sự chuyển biến về chất cho đổi mới mô hình tăng trưởng, để tạo ra việc tái cấu trúc theo hướng hiệu quả và sức cạnh tranh cao, vai trò dẫn dắt của Nhà nước là cực kỳ quan trọng, để những chuyển biến đi đúng hướng. Nhưng về mặt kinh tế, trên cơ sở chủ trương chung và các việc làm tạo môi trường thuận lợi về hạ tầng

và xã hội của Nhà nước mang tính dẫn dắt phát triển, kiến tạo phát triển, sự nghiệp chuyển đổi, đổi mới này có thành công hay không, vị trí quan trọng chính là phụ thuộc vào sự sáng tạo của từng doanh nghiệp, của các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân. Điều này sẽ làm cho quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng có thể đạt tới sự đa dạng cần thiết, để có thể đáp ứng những chuyển đổi trong nước và trên thế giới. Cần thấy rằng, hiện nay khoảng 90% nguồn thu nội địa (cả dầu khí) là của các doanh nghiệp.

BẢNG 4. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô Việt Nam 2000-2007

	2000	2005	2006	2007	2008
GDP cả nước giá 1994 (tỷ đồng)	273.666	393.031	425.373	461.344	490.458
GDP cả nước giá thực tế (tỷ đồng)	441.646	839.211	974.266	1.143.715	1.485.038
Tổng thu ngân sách (tỷ đồng)	90.747	228.287	279.472	315.915	4167.83
Tỷ lệ huy động (%)	20,5	27,2	28,7	27,6	28,1
Tổng thu ngân sách nội địa (cả dầu thô) (tỷ đồng)	69.767	186.384	228.750	251.278	318.586
Đóng góp ngân sách của doanh nghiệp qua thuế và nộp ngân sách (tỷ đồng)	53.763	161.611	191.888	219.804	289.182
Tỷ lệ đóng góp trong tổng thu nội địa (%)	77,1	86,7	83,9	87,5	90,8

Nguồn: Niên giám thống kê 2008, Hà Nội, 2009, tr 73, 74 và 85; Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra 2005, 2006 và 2007, Hà Nội, 2009, tr 126

3. Nên bắt đầu như thế nào?

Nên bắt đầu ngay và gắn nó với toàn bộ quá trình phát triển. Không nên xem việc tái cấu trúc như một dòng chảy mới, mà là sự chuyển biến xoay chuyển phương hướng vận hành của cả hệ thống kinh tế xã hội để có chất lượng hơn, trong đó, đổi mới doanh nghiệp, công tư, trong ngoài nước, khắp các vùng miền là quan trọng nhất.

Ngày nay, thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, mà ngay Nhật Bản cũng đang bị “rỗng ruột”, rồi gần đây thì Hoa Kỳ cũng không tránh khỏi “lâm nguy” nếu không tỉnh táo, tiếp tục giữ thế dẫn đầu về KHCN.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế phải bắt đầu từ các doanh

nh nghiệp, với các mục tiêu và nội dung như sau:

• *Về mục tiêu:* mục tiêu chung của tái cấu trúc doanh nghiệp (góp phần vào tái cấu trúc nền kinh tế) là đạt được một “sức khỏe” tốt hơn về chất, để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn dựa trên những nền tảng về sứ mệnh, tầm nhìn, định hướng chiến lược của doanh nghiệp, phù hợp với những định hướng chung của Nhà nước và bối cảnh quốc tế.

• *Về nội dung:* tái cấu trúc, điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp cần thực hiện với các nội dung chính là:

Điều chỉnh mục tiêu và cơ cấu các hoạt động: bao gồm điều chỉnh cơ cấu các mục tiêu chiến lược doanh nghiệp, từ đó điều chỉnh cả ngành nghề kinh doanh, cơ cấu và

chủng loại sản phẩm hàng hóa dịch vụ, địa bàn hoạt động... Trong điều kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và liên kết kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất cũng sẽ rất đa dạng, phạm vi hoạt động cũng được mở rộng rất nhiều.

Điều chỉnh cơ cấu thể chế: theo nghĩa rộng nhất, doanh nghiệp cần điều chỉnh các cơ chế, chính sách của doanh nghiệp cho phù hợp với bối cảnh mới, thông qua sự rà soát, hợp lý hóa và thay đổi các quy trình công việc, các quy chế, quy định, kể cả các hình thức liên kết bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, trong và ngoài nước.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy: tái bố trí phân công chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận, các cấp quản lý, các chức danh... cho phù hợp với mục tiêu và cơ cấu các hoạt động, cũng như thể chế đang đổi mới ở trong và ngoài doanh nghiệp.

Điều chỉnh cơ cấu các nguồn lực: và cuối cùng, để thực hiện ba đổi mới về điều chỉnh cơ cấu như đã nêu về mục tiêu và cơ cấu hoạt động; về thể chế và về tổ chức bộ máy;

các doanh nghiệp cần có cách tiếp cận hợp lý để huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực, gồm cả các nguồn nhân tài vật lực, tận dụng thời cơ để không ngừng vươn lên... Quy mô doanh nghiệp, bao gồm quy mô vốn, quy mô lao động, trang bị vốn và công nghệ, v.v...

Quá trình tái cấu trúc có khi phải diễn ra các thay đổi cơ bản; nhưng cũng đòi hỏi có các đổi mới bên trong. Nhưng trong mọi trường hợp, cần có những nghiên cứu tổng thể, đi vào một số khâu then chốt (vì tầm quan trọng, hay bề trễ hiện nay) để tạo ra con đường phát triển mới cho doanh nghiệp và toàn nền kinh tế.

Trong điều kiện đó, để đáp ứng nhu cầu mới của giai đoạn phát triển mới, Nhà nước cũng cần có những đổi mới căn bản hơn, tạo ra các tiền đề đột phá (về thể chế, về phát triển KHCN và nguồn nhân lực; về phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị) và cần có những hành động cụ thể như cải cách chi tiêu công, đầu tư công, cải cách DNNN,... để vừa làm gương, vừa tạo đà cho sự đổi mới trên mọi thành tố của nền kinh tế./.

Phụ lục

Thực trạng doanh nghiệp hiện nay

1- DNNN: báo cáo của Bộ Tài chính cho biết, đến năm 2010, cả nước đã thực hiện sắp xếp được 5.846 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, đã cổ phần hóa 3.944 doanh nghiệp, chuyển đổi sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 261 doanh nghiệp và sáp nhập, hợp nhất, giao bán khoán 1.902 doanh nghiệp. Thực ra, trong quá trình chuyển đổi, cả nước đến đầu 2010 chỉ còn 3364 DNNN, trong đó 1805 doanh nghiệp trung ương quản lý.

2- DN ngoài nhà nước: theo điều tra doanh nghiệp, đến đầu 2010, có 238932 doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm 96% doanh nghiệp cả nước, trong đó, lần lượt là các loại hình:

- a. Công ty TNHH: 134407 doanh nghiệp (54% số doanh nghiệp);
- b. Tư nhân: 47839 doanh nghiệp (19,22% số doanh nghiệp);
- c. Công ty cổ phần không có vốn nhà nước (17,13% số doanh nghiệp);
- d. Tập thể: 12249 doanh nghiệp (4,92% số doanh nghiệp);
- e. Công ty cổ phần có vốn nhà nước: 1740 doanh nghiệp (0,7% số doanh nghiệp)
- f. Công ty hợp danh: 69 doanh nghiệp (0,03% số doanh nghiệp).

3- Doanh nghiệp FDI: đến đầu năm 2010 có 6546 doanh nghiệp (chiếm 2,63% số doanh nghiệp), trong đó có 5412 doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, và chỉ có 1134 doanh nghiệp liên doanh.

Tái cấu trúc nền kinh tế ...

Các doanh nghiệp hoạt động có cơ cấu khác nhau và hoạt động có hiệu quả khác nhau

	DNNN	Tư nhân	FDI	Cả nước
Lao động	1.735.515 (19,45%, nhưng chưa tới 15% lao động nữ)	5.266.433 (59,03%)	1.919.587 (21,51%, chiếm 34,49% lao động nữ cả nước)	8.921.535 (100%)
Vốn sản xuất kinh doanh bình quân năm	38.62%	45.66%	15.72%	7.772.604 tỷ đ (gần 450 tỷ USD)
Giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn	44.77%	35.97%	19.26%	3.584.326 tỷ (hơn 200 tỷ USD)
Doanh thu thuần SXKD	24.9%	56.56%	18.54%	5.785.146 tỷ đ (330 tỷ USD)

Nguồn: Niên giám thống kê 2010.

Thu hút lao động của các doanh nghiệp 2000-2007

Chỉ tiêu	2000	2005	2006	2007
Tổng số lao động và bình quân một doanh nghiệp	3.536.998 (83 ld/DN)	6.237.396 (55 ld/DN)	6.715.166 (51 ld/DN)	7.382.160 (47 ld/DN)
DNNN	2.088.531 (362 ld/DN)	2.037.660 (499 ld/DN)	1.899.937 (513 ld/DN)	1.763.117 (505 ld/DN)
Doanh nghiệp dân doanh	1.010.902 (30 ld/DN)	2.979.120 (28 ld/DN)	3.369.855 (27 ld/DN)	3.933.182 (27 ld/DN)
Doanh nghiệp FDI	407.565 (267 ld/DN)	1.220.616 (330 ld/DN)	1.445.374 (343 ld/DN)	1.685.861 (340 ld/DN)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Thực trạng doanh nghiệp. Nxb Thống kê, Hà Nội 2009, tr 126-128 và 144-146.

Trang bị vốn của các doanh nghiệp

	2005	2006	2007	Tốc độ (%)
Trang bị vốn các doanh nghiệp (tỷ đồng/doanh nghiệp)	23,7	25,8	31,2	14,7
- Doanh nghiệp nhà nước	353,6	470,1	626,0	33,1
- Doanh nghiệp dân doanh	6,6	8,0	12,4	37,1
- Doanh nghiệp FDI	142,8	155,3	171,1	9,5
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân 1 lao động (triệu đồng/người)	153	213	255	29,1
- Doanh nghiệp nhà nước	421	523	640	23,3
- Doanh nghiệp dân doanh	66	89	150	50,8
- Doanh nghiệp FDI	221	233	231	2,2

Nguồn: Số liệu điều tra doanh nghiệp, tr 144-146.

Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	Tốc độ (%)
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sản xuất (%)</i>	4,35	4,93	4,58	2,6
Doanh nghiệp nhà nước	3,31	3,49	3,49	2,6
Doanh nghiệp dân doanh	1,49	2,01	2,57	31,1
Doanh nghiệp FDI	11,25	13,15	11,66	1,8
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)</i>	5,23	6,08	6,24	9,2
- Doanh nghiệp nhà nước	5,40	6,12	6,76	11,9
- Doanh nghiệp dân doanh	1,21	1,74	2,79	51,6
- Doanh nghiệp FDI	11,82	14,19	13,11	5,3
<i>Năng suất lao động trên doanh thu thuần (triệu đ/người)</i>	356	409	483	16,5
- Doanh nghiệp nhà nước	421	523	640	23,3
- Doanh nghiệp dân doanh	289	339	427	21,6
- Doanh nghiệp FDI	411	420	450	4,6

Nguồn: Số liệu điều tra doanh nghiệp, tr 144-146.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. *Nguyễn Quang Thái*. Dân bản cùng Thủ tướng. Mạng chinhphu.vn ngày 2-8-2011.
3. *Nguyễn Tấn Dũng*. Thực hiện tốt 3 khâu đột phá chiến lược mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra

là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016. Báo Nhân dân, ngày 1-8-2011.

4. *Tổng cục Thống kê*. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Nxb Thống kê, Hà Nội 2011.

5. *Tổng cục Thống kê*. Niên giám thống kê 2010. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2011.